

Số: 3361 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Far Champion International và Công ty TNHH Men Chuen Việt Nam do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;*

*Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Trảng Bom tại Tờ trình số 162/TTr-UBND, Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 483/TTr-LĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Far Champion International và Công ty TNHH Men Chuen Việt Nam do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ với tổng kinh phí là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng chẵn), cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH Far Champion International, địa chỉ: KCN Sông Mỹ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, gồm: 25 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 25.000.000 đồng, trong đó có 09 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (09 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 9.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Men Chuen Việt Nam, địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, gồm: 16 người lao động ngừng việc với kinh phí hỗ trợ là 16.000.000 đồng, trong đó có 07 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (09 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 9.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

*(Danh sách đính kèm theo Quyết định).*

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Giao UBND huyện Trảng Bom chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *./.*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sơn Hùng**





ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC  
DO ĐẠI DỊCH COVID - 19 CỦA CÔNG TY TNHH FAR CHAMPION INTERNATIONAL  
(Kèm theo Quyết định số 3361 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT | Họ và tên | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Số số bảo hiểm | Thời gian ngừng việc (từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm) | Số tiền hỗ trợ | Số CMT/thẻ căn cước công dân | Ghi chú |
|----|-----------|---------------------------------|------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------|---------|
|----|-----------|---------------------------------|------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------|---------|

I. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

|   |                      |                 |                         |            |                         |           |           |  |
|---|----------------------|-----------------|-------------------------|------------|-------------------------|-----------|-----------|--|
| 1 | Lý Công Tổng         | Văn phòng       | Không xác định thời hạn | 4707146064 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 271783584 |  |
| 2 | Lê Thị Hồng Lê       | Văn phòng       | Không xác định thời hạn | 4704063387 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 272880907 |  |
| 3 | Nguyễn Ngọc Huyền    | Văn phòng       | Không xác định thời hạn | 4707035053 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 272616578 |  |
| 4 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | Văn phòng       | Không xác định thời hạn | 7508096100 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 131366326 |  |
| 5 | Trình Thị Quỳnh Anh  | Văn phòng       | Không xác định thời hạn | 7411161893 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 276115303 |  |
| 6 | Lê Thị Thanh Mỹ      | Nấu ăn          | Không xác định thời hạn | 4705042736 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 271419321 |  |
| 7 | Phạm Thị Thật        | Thống kê        | Không xác định thời hạn | 7511095957 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 212783957 |  |
| 8 | Hoàng Đình Luận      | Công nhân khuôn | Xác định thời hạn       | 7514061257 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 187213771 |  |

|    |                       |                           |                         |            |                         |           |           |  |
|----|-----------------------|---------------------------|-------------------------|------------|-------------------------|-----------|-----------|--|
| 9  | Phạm Thị Ái Nhi       | Công nhân đồ sếp          | Không xác định thời hạn | 7515021006 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 212796842 |  |
| 10 | Nguyễn Thị Bảo Vân    | Công nhân đồ sếp          | Không xác định thời hạn | 7514016694 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 352370908 |  |
| 11 | Thạch Thị Phên        | Công nhân đồ sếp          | Không xác định thời hạn | 9423207765 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 365896770 |  |
| 12 | Phạm Thị Nghi         | Công nhân chỉnh sửa       | Không xác định thời hạn | 7511095958 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 272725475 |  |
| 13 | Lê Thị Diên           | Công nhân chỉnh sửa       | Không xác định thời hạn | 5420876008 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 220989514 |  |
| 14 | Phan Quang Toàn       | Công nhân chỉnh sửa       | Không xác định thời hạn | 5420866148 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 20989503  |  |
| 15 | Nguyễn Thanh Khang    | Công nhân chỉnh sửa       | Xác định thời hạn       | 9123368272 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 372128112 |  |
| 16 | Nguyễn Việt Hồng      | Công nhân chỉnh sửa       | Xác định thời hạn       | 9621689639 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 381563101 |  |
| 17 | Nguyễn Thị Cẩm Hồng   | Công nhân chỉnh sửa       | Xác định thời hạn       | 9122075220 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 372069614 |  |
| 18 | Trần Hoàng Hiến       | Công nhân<br>đóng gói mới | Xác định thời hạn       | 9521460517 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 385884944 |  |
| 19 | Bùi Thị Cẩm Giang     | Công nhân<br>đóng gói mới | Xác định thời hạn       | 7523737624 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 342028291 |  |
| 20 | Mai Thị Tươi          | Công nhân<br>đóng gói mới | Xác định thời hạn       | 8724074099 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 341369493 |  |
| 21 | Nguyễn Thị Xuân Huyền | Công nhân<br>đóng gói mới | Xác định thời hạn       | 4216996730 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 184352494 |  |
| 22 | Tạ Thị Bích Hương     | Tổ trưởng đóng gói        | Không xác định thời hạn | 7508208487 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 272026480 |  |



|    |                      |                    |                         |            |                         |           |           |  |
|----|----------------------|--------------------|-------------------------|------------|-------------------------|-----------|-----------|--|
| 23 | Nguyễn Thị Bé Phương | Công nhân đóng gói | Không xác định thời hạn | 7510119436 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 272280114 |  |
| 24 | Hoàng Thị Mai        | Tổ trưởng đóng gói | Không xác định thời hạn | 7509078376 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 271827753 |  |
| 25 | Phùng Anh Thi        | Công nhân đóng gói | Xác định thời hạn       | 9621348884 | 01/08/2021 - 31/08/2021 | 1.000.000 | 335031768 |  |

Cộng: 25 người

25.000.000

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC VÀ ĐANG NUÔI CON ĐẼ DƯỚI 6 TUỔI

| TT | Họ và tên            | Thứ tự tại mục I | Thông tin về con và vợ hoặc chồng |                                |                                   |                                                | Số tiền hỗ trợ | Số CMT/thẻ căn cước công dân |
|----|----------------------|------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|----------------|------------------------------|
|    |                      |                  | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi   | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng (ở cột 2) | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng |                |                              |
| 1  | Lý Công Tổng         | 1                | Lý Trần Nhã Phương                | 26/02/2018                     | Trần Thị Bé                       | 271783584                                      | 1.000.000      |                              |
| 2  | Lê Thị Hồng Lê       | 2                | Trần Lê Hải Đăng                  | 31/01/2017                     | Trần Hải Hậu                      | 272880907                                      | 1.000.000      |                              |
| 3  | Nguyễn Thị Thúy Hằng | 4                | Trần Tự Minh Nguyệt               | 24/09/2016                     | Trần Văn Hổ                       | 131366326                                      | 1.000.000      |                              |
| 4  | Trình Thị Quỳnh Anh  | 5                | Nghiêm Nhã Đan                    | 10/12/2020                     | Nghiêm Văn Xinh                   | 276115303                                      | 1.000.000      |                              |
| 5  | Phạm Thị Thật        | 7                | Nguyễn Duy Việt                   | 20/11/2020                     | Nguyễn Duy Long                   | 212783957                                      | 1.000.000      |                              |
| 6  | Phạm Thị Ái Nhi      | 9                | Phùng Ngọc An Nhiên               | 25/08/2020                     | Phùng Văn Thiên Bảo               | 212796842                                      | 1.000.000      |                              |

